TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-06-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐ-ST ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ninh Đình C, sinh ngày 25/7/1985 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Bản B, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị H, sinh ngày 07/3/1993 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Bản B, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị H ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền có xác nhận của Văn phòng kinh tế Việt Nam tại Đài Bắc ngày 18 tháng 3 năm 2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Ninh Đình C trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận với

gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2022 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó qua nói chuyện với các con thì anh được biết năm 2023 chị H đi lao động tại Đài Loan, nhưng việc chị H đi lao động tại Đài Loan anh không được bàn bạc hay thông báo cho biết. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ năm 2022 đến nay anh và chị H không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Triệu Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Ninh Thanh T, sinh ngày 18/11/2014 và Ninh Quảng Đ, sinh ngày 15/9/2019. Do chị H đang lao động tại nước ngoài, không đảm bảo nuôi dưỡng con chung nên sau khi ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), bị đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh C được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 9/2023 đến nay chị và anh C không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh Ninh Đình C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Ninh Thanh T, sinh ngày 18/11/2014 và Ninh Quảng Đ, sinh ngày 15/9/2019. Do chị đang đi lao động tại nước ngoài nên sau khi ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Ninh Thanh T trình bày: Cháu và em hiện nay đang sinh sống cùng bố tại Bản B, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cháu được bố chăm sóc đầy đủ cả về vật chất và tinh thần, được cho đi học đầy đủ. Hiện nay mẹ cháu đang đi lao động tại nước ngoài nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và em.

Tại phiên tòa, anh Ninh Đình C và chị Triệu Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Ninh Đình C; bản tự khai của chị Triệu Thị H, biên bản lấy lời khai của cháu Ninh Thanh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đình C.

Xử cho anh Ninh Đình C được ly hôn chị Triệu Thị H.

Về con chung: Do chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ninh Thanh T, sinh ngày 18/11/2014 và cháu Ninh Quảng Đ, sinh ngày 15/9/2019 cho anh Ninh Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ninh Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh C khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang, hiện đang lao động tại Đài Loan. Do đó, đây là vụ án có một bên

đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ninh Đình C và chị Triệu Thị H.

[4]. Về hôn nhân: Anh Ninh Đình C và chị Triệu Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/2/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Triệu Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ninh Đình C với chị Triệu Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh C, chị H chung sống hòa thuận. Nhưng từ năm 2022 đến nay anh C, chị H đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng anh C, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị H phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh C, chị H có 02 con chung là cháu Ninh Thanh T, sinh ngày 18/11/2014 và Ninh Quảng Đ, sinh ngày 15/9/2019. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh C. Sau khi ly hôn anh C đề nghị giao 02 con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh C: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Các con chung hiện đang sinh sống cùng anh C, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Tại bản tự khai anh C, chị H thống nhất sau khi ly hôn giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra cháu Ninh Thanh T trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh C đối với yêu cầu giao con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Triệu Thị H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi

kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh C, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Ninh Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

[9.1] Anh Ninh Đình C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9.2] Chị Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Ninh Đình C được ly hôn chị Triệu Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Ninh Thanh T, sinh ngày 18/11/2014 và cháu Ninh Quảng Đ, sinh ngày 15/9/2019 cho anh Ninh Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ninh Đình C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001808 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Ninh Đình C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ninh Đình C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Triệu Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc